

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Ông Võ Thái Quân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Thạch Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 08/01/2004, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ văn hoá: lớp 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông **Nguyễn Thanh L** và bà **Thạch Thị T**; chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- **Bị hại:** **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Trương Tổ D**, sinh năm 1966, nơi cư trú: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** **Phạm Thị B** và **Lê Thị Kim O** (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch **Nguyễn Tuyết N** là cháu ruột của ông **Nguyễn Văn P** ngụ chung nhà tại ấp B, xã B, huyện P. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/3/2024, do muốn có tiền

để tiêu xài nên lợi dụng lúc ông P đi vắng, N lén lút vào phòng ngủ của ông P, dùng tua vít có sẵn trong phòng ngủ, cạy mở được khóa cửa tủ quần áo bằng gỗ, tìm lấy chìa khóa trong túi áo khoác màu vàng mở ngăn tủ nhỏ lấy trộm 03 nhẫn trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ vàng 24 kara, 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara và tìm trong túi áo khoác màu vàng lấy 01 vòng đeo tay trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara. Sau khi lấy tài sản, N đón xe đò của người lạ đến tiệm V “Đào Huy Chương” thuộc khóm V, thị trấn V, huyện C do ông Trương Tổ D làm chủ, bán được số tiền 38.600.000 đồng. N trả tiền vay cho người lạ (trên mạng xã hội) 18.000.000 đồng, còn lại 20.600.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 08/3/2024, N đến Công an xã B Đông đầu thú. Ngày 23/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/3/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 06 chỉ vàng 24kara trị giá 39.240.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm 01 ổ khóa tủ bằng kim loại, bị hư hỏng; 01 cây tua vít, đầu bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa, tất cả đã qua sử dụng. Sau khi xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 34.240.000 đồng yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Cáo trạng số 27/CT-VKSPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Thạch Nguyễn Tuyết N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị hại trình bày sự việc đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu, về hình phạt đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật, về phần trách nhiệm dân sự yêu cầu bồi thường số tiền 34.240.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Nguyễn Tuyết N1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 34.240.000 đồng cho bị hại.

Bị cáo không có tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người liên quan và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do muốn có tiền để tiêu xài nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/3/2024, lợi dụng lúc ông **Nguyễn Văn P** vắng nhà, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm của ông **P** 06 chỉ vàng 24 kara, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 39.240.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây hoang mang, lo lắng cho người dân địa phương.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do bị cáo thực hiện. Nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú về hành vi phạm tội là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, tuy nhiên trong thời gian tại ngoại chờ cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, ngày 16/6/2024 bị cáo lại có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bị **Công an xã B** Đông ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

tiền 1.500.000 đồng, chưa thực hiện việc nộp phạt. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã thu giữ và trả lại cho bị hại 01 ổ khóa tủ bằng kim loại, bị hư hỏng; 01 cây tua vít, đầu bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa, tất cả đã qua sử dụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ Luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 34.240.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Thạch Nguyễn Tuyết N1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Thạch Nguyễn Tuyết N1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ Luật Dân sự: Buộc bị cáo **Thạch Nguyễn Tuyết N1** phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Nguyễn Văn P** số tiền 34.240.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Thạch Nguyễn Tuyết N1** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.710.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.910.000 đồng (Một triệu chín trăm mười ngàn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.